

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2021/QĐDS-ST
Ngày 02 - 02 - 2021
V/v: Yêu cầu xác định quyền sở
hữu, quyền sử dụng tài sản để
thi hành án

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Lương Đình Phương - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Ông Hoàng Đình Sắc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên họp: Ông Bế Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 06/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020, về Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án theo Quyết định mở phiên họp số 03/2020/QĐPH-VDS ngày 15 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên Tòa số 03/2020/QĐST-VDS ngày 30 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 01/2021/QĐST-VDS ngày 25 tháng 01 năm 2021.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Ong Thế Đ, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 27, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Số 27, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Ông Vy Văn Q, sinh năm 1960, có mặt;

3. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1970, có mặt;

4. Ông Nguyễn Đình L, có mặt;

5. Chị Vy Thu H, vắng mặt;

6. Bà Nguyễn Thị Thanh T, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 22, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

7. Ông Vy Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 32, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M); địa chỉ: Bản K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

9. Ông Vi Quốc B, sinh năm 1950; cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Vi Quốc B: Ông Ma Văn T; cư trú tại: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 25/12/2020), vắng mặt.

10. Bà Vi Thị Y, sinh năm 1941; cư trú tại: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Bà Vi Thị Y: Ông Ma Văn T; cư trú tại: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 31/12/2020), vắng mặt.

11. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết: Ông Ong Thế Đ Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án của người phải thi hành án là ông Vy Văn Q.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn nhận định:

Trong đơn yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành đề ngày 12/10/2020 và bản tự khai của người yêu cầu ông Ong Thế Đ trình bày: Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2011/DS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2011 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định buộc ông Vy Văn Q và bà Hoàng Thị L phải trả cho ông Ong Thế Đ và bà Nguyễn Thị L số tiền là 2.103.275.000 đồng. Khi án có hiệu lực pháp luật, ông Ong Thế Đ đã làm đơn đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn yêu cầu thi hành án. Chi cục thi hành án xác định ông Vy Văn Q, được quyền sử dụng một phần trong khối tài sản là đất ở tại đô thị tổng diện tích 750,8m², thửa đất số 93, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất tại khối 11, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 056688 ngày 29/12/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của ông Vy Văn Q, nay bà Nguyễn Thị M đã chết phần đất này là di sản thừa kế và là tài sản chung của 04 anh em của ông Vy Văn Q gồm: Ông Nguyễn Đình L, bà Nguyễn Thị M, ông Vy văn H (đã chết), ông Vy Văn Q. Ngày 05/02/2020 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L thông báo cho ông Nguyễn Đình L, bà Nguyễn Thị M, ông Vy Văn Q, ông Vy Văn H là con đẻ của ông Vy văn H và những người liên quan yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung để xác định phần sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất ở của mình nhưng ông L,

bà M, ông Q, ông H và những người liên quan không yêu cầu tòa án phân chia. Nay ông Ong Thế Đ có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố L xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản phải thi hành là ông Vy Văn Q.

Ý kiến của ông Vy Văn Q, bà Hoàng Thị L như sau: Năm 2009 ông Q, bà L có vay ông Ong Thế Đ số tiền 2.100.000.000 đồng. Do vợ chồng chưa trả được, sau đó ông Đoàn khởi kiện ra Tòa án, tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2011/DS-ST ngày 20/10/2011 đã buộc vợ chồng ông Q phải trả 2.103.275.000 đồng. Nay ông Đ yêu cầu xác định quyền sử dụng đất là thửa đất 93, tờ bản đồ 24, đường L, phường V, thành phố L và nhà ở trên thửa đất do ông Y, bà M để lại để làm căn cứ, điều kiện thi hành án ông Q, bà L cũng nhất trí.

Ý kiến của ông Nguyễn Đình L như sau: Về thửa đất, hiện nay theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Nguyễn Thị M được cấp là 750,8m², hiện gia đình tôi là Nguyễn Đình L đang sinh sống trên đất và cùng gia đình ông Liêm là gia đình ông Vy Văn Q, gia đình anh Vy Văn H và Vy Thu H, trên đất có 03 nhà ở gồm: Thứ nhất là nhà bà Nguyễn Thị M và ông Vy Văn Y, nhà thứ 02 là nhà ở của ông Nguyễn Đình L, thứ 03 là nhà ở của anh Vy văn H và Đỗ thị Nhấn đều đã chết, có con là Vy Văn H và Vy Văn H (đã chết). Hiện tại tài sản của bà M để lại còn nhà ở anh Q đang quản lý, sử dụng và thửa đất có diện tích là 750,8m².

Ý kiến của ông Vy Văn H như sau: Hiện nay đang phải chấp hành án tại Trại giam N, tỉnh Bắc Giang nên không thể có mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị M như sau: Nhà ở và thửa đất có diện tích 750,8m² là của bà Nguyễn Thị M, nay Tòa án xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản của người phải thi hành án, bà cũng không có ý kiến gì và nhất trí với ý kiến của ông L đã trình bày.

Ý kiến của ông Vi Quốc B như sau: Từ trước tới nay chưa nghe nói ông Y có di chúc để lại, nên đề nghị xem xét theo quy định pháp luật.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Vi Quốc B và Bà Vi Thị Y như sau: Qua xác định thấy thửa đất và nhà ở là của ông Vi Văn Y và bà Nguyễn Thị M, sau nay ông Vi Văn Y đã di chúc lại cho bà Nguyễn Thị M do đó, không yêu cầu giải quyết nữa mà để cho hàng thừa kế của bà M tự xác định, phân chia tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý việc dân sự và thực hiện trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, người phải thi hành được hưởng một phần trong khối tài sản là nhà 02 tầng 01 tum và thửa số 93, diện tích 750,8m², tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất tại khối 11, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 056688 ngày 29/12/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho bà Nguyễn Thị M là tài sản của bà Nguyễn Thị M để lại và bà M còn có 04 người con là ông Nguyễn Đình L, bà Nguyễn Thị M, ông Vy Văn Q, ông Vy văn H do ông H đã chết có con đẻ là ông Vy Văn H và ông Vy

Văn H và ông H cũng đã chết có con đẻ là cháu Vy Thu H. Còn ông Vi Quốc B, Bà Vi Thị Y là con đẻ của ông Vy Văn Y. Khi ông Y chết đã di chúc lại cho bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị M đã làm thủ tục nhận thừa kế và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ông B, bà Y không phải con đẻ của bà M và trong quá trình ông Y, bà M chung sống với nhau ông B, bà Y cũng không sống chung cùng gia đình ông Y, bà M. Do đó, ông Vi Quốc B, Bà Vi Thị Y xác định là người không được tài sản của bà M. Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản đề thi hành án đối với ông Vy Văn Q là ông Vy Văn Q có quyền được hưởng $\frac{1}{4}$ giá trị tài sản là đất và nhà ở nêu trên của bà Nguyễn Thị M để lại.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp; Sau khi Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết việc dân sự.

Xét thấy: Người yêu cầu xác định phần sở hữu, sử dụng tài sản đề thi hành là việc dân sự và tài sản tọa lạc tại địa chỉ khối 11, phường V, thành phố L, căn cứ tại khoản 9 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết. Quá trình giải quyết phiên họp đã được mở lại lần thứ hai, các đương sự đều đã được thông đạt giấy thông báo mở phiên họp hợp lệ, căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án quyết định tiến hành phiên họp.

Về nội dung: Ông Nguyễn Đình P kết hôn với bà Nguyễn Thị M vào năm 1946 có 02 người con, con thứ nhất là ông Nguyễn Đình L, con thứ hai là bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Tuyết M), sau khi ông P chết thì bà M lấy ông Vòng Mẫn T (Hoàng Văn Đ) và sinh được 02 người con, là ông Vòng Mẫn C sau này đổi họ, tên thành Vy Văn Q và ông Vòng Mẫn H sau này đổi họ, tên thành Vy văn H, sinh năm 1956. Ông H có vợ là bà Đỗ Thị N, ông H chết năm 2006, bà N chết năm 2019. Ông H sinh được 3 người con là Vy Văn H, sinh năm 1976, hiện đang chấp hành án tại Trại Giam N, tỉnh Bắc Giang; thứ hai là Vy Văn H, sinh năm 1978 (đã chết năm 1998, không có vợ con); con thứ ba là Vy Văn H đã chết năm 2011, có vợ là Nguyễn Thị Thanh T, con gái là Vy Thu H, sinh năm 2001.

Năm 1967 bà M ly hôn với ông Vòng Mẫn T (Hoàng Văn Đ). Sau đó bà M đến chung sống với ông V (V) Văn Y, khi đến sống với nhau thì bà M cũng đã có con riêng là ông Nguyễn Đình L, bà Nguyễn Thị M, ông Vy văn H, ông Vy Văn Q (ông Hòa, ông Q sau này đổi họ và lấy họ “Vy” là họ của ông Vy Văn Y). Trước khi đến lấy bà M ông Vy Văn Y có vợ là bà Hoàng Thị Đ và có hai người con riêng là Vi Thị Y, sinh năm 1942 và Vi Quốc B, sinh năm 1950. Từ năm 1950 hai người con riêng của ông Y đã tự ở riêng, sống với mẹ là vợ trước của ông Y đã ly hôn tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn, khi ông Y đến sống cùng bà M thì cũng không đem theo hai người con này đến sinh sống cùng gia đình. Ông Vy Văn Y chết năm 1999 bà Nguyễn Thị M chết năm 2009. Trước khi chết, năm 1996 ông Vy Văn Y đã di chúc để lại tài sản cho riêng bà Nguyễn Thị M và năm 2006 bà Nguyễn Thị M làm thủ tục kê khai và đã được cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 750,8m². Bà M có 04 người con đẻ là ông Nguyễn Đình L, bà Nguyễn Thị M, ông Vy Văn Q, ông Vy văn H, khi bà M chết không để lại di chúc nên tài sản vẫn chưa phân chia, do ông Vy Văn Q có trách nhiệm phải trả khoản tiền nợ cho ông Ong Thế Đ theo bản án dân sự nhưng hiện ông Q không có tiền, tài sản để thi hành án. Do đó, ông Ong Thế Đ đã yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu, sử dụng tài sản để thi hành án đối với ông Vy Văn Q trong khối tài sản của bà M để lại chưa phân chia.

Tại phiên họp, ông Ong Thế Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xác định phần sở hữu tài sản của người phải thi hành đối với ông Vy Văn Q.

Tại công văn số 2956/UBND-TNMT ngày 26/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố L cung cấp và qua xác M, thẩm định. Xác định được diện tích 750,8 m² đất của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất tại khối 11, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 056688 ngày 29/12/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho bà Nguyễn Thị M hiện tại trên thửa đất có 03 nhà ở và 01 nhà để xe ô tô, cụ thể: 01 ngôi nhà mái bằng hiện tại hộ ông Nguyễn Đình L đang ở là nhà của hộ ông Nguyễn Đình L; 01 nhà 02 tầng, 01 tum hộ ông Vy Văn Q đang quản lý, sử dụng là tài sản của bà Nguyễn Thị M để lại; 01 nhà mái tôn (nhà tạm để xe ô tô) ông Vy Văn Q đang quản lý, sử dụng là nhà của ông Q xây dựng; 01 ngôi nhà 03 tầng (nhà nghỉ T) trước kia do ông Vy Văn H quản lý, sử dụng là nhà của ông Vy Văn H. Về thửa đất hiện tại chưa có thông tin biến động chuyển quyền hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất cho người khác.

Nhận thấy, người phải thi hành án lụ ông Vy Văn Q có quyền hưởng một phần tài sản trong khối tài sản là nhà ở 02 tầng 01 tum của bà Nguyễn Thị M và đất ở tại đô thị tổng diện tích 750,8m² nằm tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất tại khối 11, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 056688 ngày 29/12/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho bà Nguyễn Thị M.

Như vậy thửa đất và nhà ở trên đất được xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản thành 04 phần trong đó ông Vy Văn Q được hưởng $\frac{1}{4}$ giá trị tài sản. Do đó, thửa đất ở tại đô thị có tổng diện tích 750,8m², thửa đất số 93, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất tại khối 11, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 056688 ngày 29/12/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho bà Nguyễn Thị M và nhà ở trên đất của bà Nguyễn Thị M được xác định là tài sản chung (di sản thừa kế) của những người là ông Nguyễn Đình L, bà Nguyễn Thị M, ông Vy Văn Q, ông Vy văn H (người thừa kế thế vị là Vy Văn H, Vy Thu H), như ông Vy Văn Q được hưởng $\frac{1}{4}$ giá trị quyền sử dụng đất trong tổng diện tích 750,8m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 056688 ngày 29/12/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho bà Nguyễn Thị M và giá trị nhà ở của bà Nguyễn Thị M xây dựng năm 1991. Do đó, xác định phần sở hữu, sử dụng tài sản để thi hành án đối với ông Vy Văn Q là $\frac{1}{4}$ giá trị nhà ở 02 tầng 01 tum của bà Nguyễn Thị M tọa lạc trên thửa đất số 93, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất tại khối 11, phường V, thành

phố L, tỉnh Lạng Sơn để lại mà hiện tại ông Q, bà L đang quản lý, sử dụng và ¼ giá trị thửa đất ở tại đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 056688 ngày 29/12/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho bà Nguyễn Thị M có tổng diện tích 750,8m², thửa đất số 93, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất tại khối 11, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Đối với ông Vi Quốc B, Bà Vi Thị Y không phải là con đẻ của bà M và trong quá trình ông Y, bà M chung sống với nhau ông B, bà Y cũng không sống chung cùng gia đình ông Y, bà M. Do đó, ông Vi Quốc B, Bà Vi Thị Y xác định là người không được hưởng phần tài sản của bà M.

Ngoài ra các tài sản khác đương sự không yêu cầu, Do đó, không xem xét giải quyết.

Về lệ phí căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Ong Thế Đ phải chịu lệ phí việc dân sự theo quy định, tuy nhiên ông Ong Thế Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn lệ phí. Do đó, miễn lệ phí việc dân sự cho ông Ong Thế Đ.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 27; 149; 361; 367; 369; 370; 371; 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 207; 208; 209; 216; 217; 218 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 74 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Ong Thế Đ về Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án đối với ông Vy Văn Q theo bản án số 10/2011/DS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2011 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Cụ thể: Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án đối với ông Vy Văn Q là ông Vy Văn Q có 1/4 (một phần tư) giá trị tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cấp cho bà Nguyễn Thị M số sổ AG 056688 cấp giấy ngày 29/12/2006, thửa đất ở tại đô thị tổng diện tích 750,8m², thửa đất số 93, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất tại khối 11, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sở hữu ¼ giá trị tài sản của ngôi nhà 02 tầng 01 tum của bà Nguyễn Thị M để lại trên thửa đất nêu trên (theo sơ đồ có các điểm ABCD).

2. Lệ phí Tòa án: Miễn nộp lệ phí sơ thẩm yêu cầu về dân sự cho ông Ong Thế Đ.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong hạn 10 kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn;
- Lưu HS việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lương Đình Phương